

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê, Biểu mẫu thống kê
Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Luật Thống kê năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 205/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống chỉ tiêu thống kê, Biểu mẫu thống kê Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thực hiện từ kỳ báo cáo thống kê tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này. *TRN*

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Huy Tiên,
Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các đ/c PVT VKSND tối cao;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Cục 2.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Chac

Nguyễn Đức Thái

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHỞI KIẾN VỤ ÁN
DÂN SỰ CÔNG ÍCH**

Tiêu chí	Mã dòng	Ghi chú
I. Tiếp nhận, xử lý thông tin và xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án dân sự công ích	1	
1. Tiếp nhận, xử lý thông tin về vụ án dân sự công ích	2	
- Số cũ	3	tính cả chuyển đến
- Số mới	4	(D4 = D5 + D6 + D7 +D8 + D9 +D10 + D11 + D12 + D13 + D14) , tính cả chuyển đến
+ Trình bày, nộp tài liệu trực tiếp tại VKS	5	
+ Gửi thông tin và tài liệu liên quan qua dịch vụ bưu chính đến VKS	6	
+ Gửi đến hộp thư điện tử của VKS	7	
+ Qua đường dây nóng của VKS	8	
+ Qua ứng dụng định danh quốc gia (VneID)	9	
+ Qua ứng dụng số	10	
+ Từ phương tiện truyền thông	11	
+ Qua giải quyết vụ án, vụ việc	12	
+ Do VKS khác chuyển đến	13	
+ VKS tiếp nhận từ nguồn khác	14	
- Tổng số đã tiếp nhận	15	D15=D3+D4
- Tổng số đã xử lý	16	D16=17+18+19+20+21
+ Chuyển VKS có thẩm quyền	17	
+ Thông tin không có căn cứ, chấm dứt xử lý	18	
+ Kiến nghị phòng ngừa, khắc phục vi phạm	19	
+ Kiến nghị khởi kiện theo BLTTDS	20	
+ Đủ căn cứ thụ lý	21	
- Tổng số thụ lý	22	D22=D23+D40 (VKS xác định đủ điều kiện)
+ Thụ lý mới (Đủ căn cứ thụ lý)	23	D23=24+31
++ Bảo vệ người dễ bị tổn thương	24	D24=25+26+27+28+29+30
+++ Trẻ em	25	
+++ Người cao tuổi	26	
+++ Người khuyết tật	27	
+++ Phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi	28	
+++ Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người mất năng lực hành vi dân sự	29	

Tiêu chí	Mã đồng	Ghi chú
+++ Người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật	30	
++ Bảo vệ lợi ích công	31	D31=32+33+34+35+36+37+38+39
+++ Đầu tư công	32	
+++ Đất đai	33	
+++ Tài nguyên	34	
+++ Tài sản công khác	35	
+++ Di sản văn hóa	36	
+++ An toàn thực phẩm	37	
+++ An toàn dược phẩm	38	
+++ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	39	
+ Thụ lý lại (đình chỉ được phục hồi)	40	
- Số còn lại VKS đang kiểm tra	41	
2. VKS thực hiện việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ	42	
- Số vụ việc phân công VKS cấp dưới thực hiện	43	
- Số vụ việc thực hiện theo phân công của VKS cấp trên	44	
- Số vụ việc ủy thác cho VKS khác thực hiện	45	
- Số vụ việc nhận ủy thác của VKS khác	46	
- Số vụ việc VKS yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ	47	M03 ban hành kèm TTLT 09
- Số vụ việc đã được cung cấp	48	
- Số vụ việc VKS trung cầu giám định, giám định lại, giám định bổ sung	49	M04
- Số vụ việc đã có kết luận giám định	50	
- Số vụ việc VKS định giá tài sản	51	M05
- Số vụ việc VKS yêu cầu định giá tài sản	52	M06
- Số vụ việc đã có kết luận định giá	53	
- Số vụ việc VKS trung cầu ý kiến chuyên môn	54	M07
- Số vụ việc VKS xem xét, thẩm định tại chỗ	55	M08
- Số vụ việc VKS kiểm tra đánh giá hiện trường	56	M09
- Số vụ việc VKS lấy lời khai	57	M14
- Số vụ việc VKS tiến hành đối chất, xác minh	58	M15,16
- Số vụ việc VKS ủy thác kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử, vật chứng	59	M18
- Số vụ việc nhận được văn bản thông báo kết quả ủy thác kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử, vật chứng	60	
- Số vụ việc VKS đình chỉ việc kiểm tra, xác minh	61	M 20
+ Do không có hành vi xâm phạm quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công	62	
+ Do hành vi xâm phạm quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công đã chấm dứt và hậu quả đã được khắc phục	63	
+ Do đã có người khởi kiện vụ án	64	
+ Do chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương bị xâm phạm quyền dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ đề nghị không khởi kiện.	65	

Tiêu chí	Mã dòng	Ghi chú
+ Do cá nhân vi phạm đã chết mà không có người thừa kế quyền, nghĩa vụ của họ; cơ quan, tổ chức vi phạm đã chấm dứt hoạt động mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ.	66	
- Số vụ việc VKS chấm dứt việc kiểm tra, xác minh	67	M 21
+ Do đối tượng được bảo vệ chết	68	
+ Do lợi ích công được bảo vệ không còn tồn tại	69	
- Số vụ việc VKS phục hồi việc kiểm tra, xác minh	70	M22
+ Do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, nhầm lẫn	71	
+ Do chủ thể đồng ý khởi kiện, VKS đình chỉ kiểm tra, xác minh, sau đó chủ thể không khởi kiện	72	Hướng dẫn rõ chủ thể
- Số vụ việc VKS ban hành yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm, áp dụng biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả	73	M19
+ Không nhận được văn bản trả lời (đã hết thời hạn)	74	
+ Không nhận được văn bản trả lời (còn thời hạn)	75	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời không chấp nhận thực hiện yêu cầu của VKS	76	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời đồng ý thực hiện yêu cầu của VKS	77	
+ Chủ thể đã thực hiện xong yêu cầu của VKS	78	
+ Chủ thể đang thực hiện yêu cầu của VKS:	79	
+ Chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không hiệu quả mà không có lý do chính đáng	80	
- Số vụ việc VKS làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát. Kết quả làm việc:	81	M10
+ Đồng ý thực hiện	82	
+ Không đồng ý thực hiện	83	
+ Đang làm việc chưa có kết quả	84	
- Số vụ việc VKS ban hành thông báo khởi kiện	85	M 23
+ Không nhận được văn bản trả lời (đã hết thời hạn)	86	
+ Không nhận được văn bản trả lời (còn thời hạn)	87	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời chủ thể tự mình khởi kiện	88	
+ Chủ thể đã khởi kiện đến Tòa án	89	M27 (chủ thể là ng dễ bị tổn thương, đại diện của họ)
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời chủ thể đề nghị không khởi kiện	90	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời đề nghị cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện thực hiện khởi kiện	91	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời đề nghị VKS khởi kiện	92	
- Số vụ việc VKS ban hành kiến nghị khởi kiện	93	M24
+ Không nhận được văn bản trả lời (đã hết thời hạn)	94	
+ Không nhận được văn bản trả lời (còn thời hạn)	95	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời đồng ý khởi kiện	96	
+ Cơ quan, tổ chức đã khởi kiện đến Tòa án theo kiến nghị của VKS	97	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời đề nghị VKS khởi kiện	98	
- Số vụ việc nhận được văn bản từ chối khởi kiện mà không có lý do chính đáng	99	
- Số vụ việc nhận được văn bản trả lời đề nghị áp dụng biện pháp xử lý khác	100	
- Số vụ việc có đề nghị hỗ trợ khởi kiện	101	M25

Tiêu chí	Mã đồng	Ghi chú
- Số vụ việc VKS hỗ trợ khởi kiện	102	M26
- Số vụ việc VKS không hỗ trợ khởi kiện hoặc chấm dứt hỗ trợ khởi kiện	103	
+ Do có căn cứ xác định cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ khởi kiện sẽ không khởi kiện;	104	
+ Do cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện thay đổi, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà làm ảnh hưởng đến lợi ích công.	105	
II. Khởi kiện, thụ lý, giải quyết vụ án dân sự công ích	106	
1. Khởi kiện vụ án dân sự công ích	107	
- Số vụ án VKS đã khởi kiện	108	
+ VKS khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương	109	D109=110+111+112+113+114+115
++ Trẻ em	110	
++ Người cao tuổi	111	
++ Người khuyết tật	112	
++ Phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi	113	
++ Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người mất năng lực hành vi dân sự	114	
++ Người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật	115	
+ VKS khởi kiện để bảo vệ lợi ích công	116	D116=117+118+119+120+121+122+123+124
++ Đầu tư công	117	
++ Đất đai	118	
++ Tài nguyên	119	
++ Tài sản công khác	120	
++ Di sản văn hóa	121	
++ An toàn thực phẩm	122	
++ An toàn dược phẩm	123	
++ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	124	
+ Do VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới khởi kiện	125	TC, tỉnh
+ Số vụ án VKS khởi kiện theo phân công của VKS cấp trên	126	tỉnh, KV
- Số vụ việc yêu cầu Toà án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	127	M29
- Số vụ việc Toà án đã áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	128	
- Số vụ án VKS thay đổi yêu cầu khởi kiện	129	M 32
- Số vụ án VKS rút yêu cầu khởi kiện	130	M 32
2. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm	131	
- Số cũ	132	
- Số vụ án tạm đình chỉ của kỳ thống kê trước đã phục hồi	133	
- Số mới	134	
- Tổng số đã thụ lý	135	D135=132+134

Tiêu chí	Mã dòng	Ghi chú
+ VKS khởi kiện	136	
++ VKS khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương	137	
++ VKS khởi kiện để bảo vệ lợi ích công	138	
- Số đã giải quyết xong	139	
+ Đình chỉ việc xét xử cả trước và tại phiên tòa	140	
++ VKS khởi kiện	141	
+ Xét xử	142	
++ VKS khởi kiện	143	
+++ VKS khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương	144	
+++ VKS khởi kiện để bảo vệ lợi ích công	145	
++ Số chấp nhận yêu cầu khởi kiện	146	
+++ VKS khởi kiện	147	
++ Số chấp không nhận yêu cầu khởi kiện	148	
+++ VKS khởi kiện	149	
- Số còn lại	150	
+ VKS khởi kiện	151	
+ Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	152	
+ Tổng số tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	153	
- Số quyết định kháng nghị phúc thẩm	154	
+ VKS khởi kiện	155	
+ Kháng nghị cùng cấp	156	
+ Kháng nghị trên cấp	157	
2. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục phúc thẩm	158	
- Số cũ	159	
+ VKS kháng nghị	160	
- Số mới	161	
+ VKS kháng nghị	162	
- Số tạm đình chỉ của kỳ thống kê trước đã phục hồi	163	
- Tổng số đã thụ lý	164	D164=161+163
+ VKS kháng nghị	165	
- Số đã giải quyết xong	166	D166=168+169
+ VKS kháng nghị	167	
+ Đình chỉ việc xét xử trước và tại phiên tòa	168	
+ Xét xử	169	
++ Số chấp nhận kháng nghị, kháng cáo	170	
+++ Kháng nghị của VKS	171	
++ Số không chấp nhận kháng nghị, kháng cáo	172	
+++ Kháng nghị của VKS	173	
++ Số sửa bản án sơ thẩm	174	
+++ Theo kháng nghị của VKS	175	
++ Số hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại	176	
+++ Theo kháng nghị của VKS	177	
++ Số hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án	178	

Tiêu chí	Mã dòng	Ghi chú
+++ Theo kháng nghị của VKS	179	
- Số còn lại	180	
+ VKS kháng nghị	181	
+ Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	182	
+ Tổng số tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	183	
3. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm	184	
- Số cũ	185	
+ VKS kháng nghị	186	
- Số mới	187	
+ VKS kháng nghị	188	
- Tổng số đã thụ lý	189	D189=185+187
+ VKS kháng nghị	190	
- Số đã giải quyết xong	191	d191=193+194
+ VKS kháng nghị	192	
+ Số đình chỉ việc xét xử trước và tại phiên tòa	193	Chỉ thống kê áp dụng cho án GĐT
+ Xét xử	194	
++ Số chấp nhận kháng nghị	195	
+++ Kháng nghị của VKS	196	
++ Số không chấp nhận kháng nghị	197	
+++ Kháng nghị của VKS	198	
++ Số hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa	199	Chỉ thống kê áp dụng cho án GĐT
+++ Theo kháng nghị của VKS	200	
++ Số hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm	201	
+++ Theo kháng nghị của VKS	202	
++ Số sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.	203	Chỉ thống kê áp dụng cho án GĐT
+++ Theo kháng nghị của VKS	204	
++ Số hủy bản án có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án	205	
+++ Theo kháng nghị của VKS	206	
- Số còn lại	207	
+ VKS kháng nghị	208	
III. Hoạt động kiểm sát	209	
- Số kiến nghị VKS yêu cầu phòng ngừa, khắc phục vi phạm pháp luật	210	
+ Bảo vệ quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương	211	
+ Bảo vệ lợi ích công	212	
- Số kiến nghị VKS đã được chấp nhận	213	
- Số kiến nghị VKS không được chấp nhận	214	
- Số kiến nghị VKS không nhận được văn bản trả lời (đã hết thời hạn)	215	
- Số kiến nghị VKS không nhận được văn bản trả lời (còn thời hạn)	216	

Tiêu chí	Mã dòng	Ghi chú
- Số kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại Điều 187 BLTTDS (chỉ dành cho các VKS không thực hiện thí điểm)	217	
+ Bảo vệ quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương	218	1
+ Bảo vệ lợi ích công	219	
+ Số kiến nghị VKS không nhận được văn bản trả lời (đã hết thời hạn)	220	
+ Số kiến nghị VKS không nhận được văn bản trả lời (còn thời hạn)	221	1
- Số kiến nghị VKS đã được chấp nhận	222	
- Số kiến nghị VKS không được chấp nhận	223	
- Số thông báo rút kinh nghiệm ban hành	224	
- Số văn bản hướng dẫn, giải đáp vướng mắc đã ban hành	225	
- Số vụ việc thỉnh thị VKS cấp trên	226	
- Số vụ việc VKS đã trả lời thỉnh thị	227	
- Số cuộc thanh tra	228	
- Số cuộc kiểm tra	229	
- Số cuộc hội nghị, hội thảo	230	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO

(Ban hành theo QĐ số ...QĐ-VKSTC, ngày
... tháng... năm 2026
của Viện trưởng VKSNDTC)

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ CÔNG ÍCH

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ	Kỳ công bố	Ghi chú
I. Tiếp nhận, xử lý thông tin và xác minh, thu thập chứng cứ của vụ việc dân sự công ích				
1	Tổng số thông tin về vụ việc dân sự công ích VKS đã tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none">- Số mới, số cũ- Số chuyển đến, chuyển đi- Nguồn tiếp nhận- Hình thức tiếp nhận- Nhóm đối tượng, lĩnh vực được bảo vệ- Cấp tổ tụng- Theo từng đơn vị cụ thể	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	
2	Hoạt động của VKS thực hiện việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ	<ul style="list-style-type: none">- Các hoạt động kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ; kết quả thực hiện- Cấp tổ tụng- Theo từng đơn vị cụ thể	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	
3	Yêu cầu chấm dứt vi phạm; Thông báo, kiến nghị khởi kiện và hỗ trợ khởi kiện	<ul style="list-style-type: none">- Số văn bản đã ban hành- Số văn bản đã có văn bản trả lời- Số văn bản không có văn bản trả lời- Cấp tổ tụng- Theo từng đơn vị cụ thể	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	
II. Khởi kiện, thụ lý, giải quyết vụ án dân sự công ích				
4	Khởi kiện vụ án	<ul style="list-style-type: none">- Số vụ án VKS quyết định khởi kiện- Nhóm đối tượng, lĩnh vực được bảo vệ- Cấp tổ tụng- Theo từng đơn vị cụ thể	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ	Kỳ công bố	Ghi chú
5	Yêu cầu Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	<ul style="list-style-type: none"> - Số quyết định yêu cầu Tòa án đã ban hành (chia theo từng loại quyết định) - Số quyết định được Tòa án chấp nhận (chia theo từng loại quyết định) - Cấp tổ tụng - Theo từng đơn vị cụ thể 	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	
6	Tòa án thụ lý giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Số mới, số cũ - Nhóm đối tượng, lĩnh vực được bảo vệ - Cơ quan, người khởi kiện - Tòa án thụ lý giải quyết - Kết quả giải quyết của Tòa án các cấp - Cấp tổ tụng - Theo từng đơn vị cụ thể 	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	
III. Thi hành bản án, quyết định của Tòa án				
7	Tổng số bản án, quyết định	<ul style="list-style-type: none"> - Số mới, số cũ - VKS kiểm sát việc thi hành - Theo từng đơn vị cụ thể 	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	
8	Số bản án, quyết định đã được thi hành	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết - VKS kiểm sát việc thi hành - Theo từng đơn vị cụ thể 	Tháng, 3 tháng, 6 tháng 12 tháng	